

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2023/DS-ST

Ngày: 01-8-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Huỳnh Văn Minh**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177A/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc D** sinh năm: 1960

Địa chỉ: tổ A, khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Tuyết M** sinh năm: 1980

Địa chỉ: tổ A, khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 14 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Do quen biết và ở gần nhà nên bà có cho bà Nguyễn Thị Tuyết M vay 03 lần tiền như sau: lần 01 ngày 06 tháng 02 năm 2017 bà cho bà M vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng; lần 02 ngày 06 tháng 4 năm 2017 bà cho bà M vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng; lần 03 ngày 06 tháng 6 năm 2017 bà cho bà M vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng; tổng cộng 03 lần vay là 300.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 1,5/tháng, bà M có làm giấy mượn tiền cho bà. Sau khi vay bà M có trả cho bà tiền vốn, lãi của lần vay thứ 01 là 59.400.000 đồng; trả tiền vốn, lãi của lần vay thứ 02 là 29.000.000 đồng; trả tiền vốn, lãi của lần vay thứ 03 là 36.400.000 đồng; sau đó từ ngày 06 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 02 năm 2023 mẹ

bà M có trả thay bà M nhiều lần tiền đến nay còn nợ lại tổng số tiền là 129.300.000 đồng. Do cần tiền nên bà có yêu cầu bà M trả số tiền trên cho bà nhưng bà M cứ hẹn lần không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho bà số tiền 129.300.000 đồng và tiền lãi của số tiền này từ ngày 10 tháng 02 năm 2023 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định, yêu cầu vốn lãi trả làm 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 14 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc D về số lần vay, số tiền vay và thời gian vay. Nay bà xác định còn nợ bà D 129.300.000 đồng, bà đồng ý trả bà D số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nếu bà D yêu cầu trả lãi thì bà xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết số tiền vốn và lãi.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện bà Nguyễn Thị Tuyết M về việc vay tiền, bà M cư trú tại tổ A, khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Nguyễn Thị Tuyết M trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và bà Nguyễn Thị Tuyết M thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau được hai bên thừa nhận; thể hiện qua “biên nhận” ngày 06 tháng 2 năm 2017, “giấy vay vốn” ngày 06 tháng 3 năm 2017, “giấy mượn tiền” ngày 6 tháng 6 năm 2017 do bà D cung cấp, có chữ ký tên của bà M. Các chứng cứ bà D cung cấp có nội dung thể hiện số tiền mà bà M vay của bà D như lời trình bày của bà D. Tại phiên tòa, bà D và bà M thống nhất với nhau bà M có vay bà D 03 lần tiền từ ngày 06 tháng 2 năm 2017 đến ngày 06 tháng 6 năm 2017 tổng cộng là 300.000.000 đồng và đã trả được vốn lãi nhiều lần 170.700.000 đồng còn nợ lại 129.300.000 đồng đến nay chưa trả nên bà D yêu cầu bà M trả 129.300.000 đồng làm 01 lần, bà M đồng ý trả bà D 129.300.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số tiền 129.300.000 đồng. Xét thấy, bà M đã nhận được quyền của mình là nhận tiền vay đầy đủ từ bà D nhưng bà M lại không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận mà cứ hẹn lần mặc dù bà D đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ là có tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Do đó, cần buộc bà M phải có nghĩa vụ trả bà D số tiền vay còn nợ 129.300.000 đồng làm 01 lần là phù hợp điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi: bà D yêu cầu bà M trả lãi của số tiền 129.300.000 đồng từ ngày 10 tháng 02 năm 2023 đến khi xét xử với mức lãi suất theo quy định, bà M không đồng ý. Xét thấy, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên phải trả lãi theo yêu cầu bà D là phù hợp Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Như vậy, lãi suất của số tiền 129.300.000 đồng từ ngày 10 tháng 02 năm 2023 đến ngày xét xử là ngày 01 tháng 8 năm 2023 là 10 tháng 22 ngày, số tiền là 11.518.906 đồng.

[5] Tổng cộng tiền vốn và lãi bà M phải trả cho bà D 01 lần là 140.818.906 đồng (một trăm bốn mươi triệu tám trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ sáu đồng).

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà D được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vay vốn, lãi còn nợ là 140.818.906 đồng (một trăm bốn mươi triệu tám trăm mười tám nghìn chín trăm lẻ sáu đồng), trả làm 01 lần.

1.2 Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Tuyết M chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.040.945 đồng (bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

2.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

